

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA  
KHU VỰC CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /TM-BVKV-HCQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2026

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi đang có nhu cầu May trang phục y tế năm 2025 phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện. Để có căn cứ xây dựng dự toán giá gói thầu, đề nghị các công ty, đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ cung cấp báo giá, cụ thể như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết phụ lục theo mẫu đính kèm.
- Mục đích báo giá: Xác định giá làm cơ sở tham khảo để lập dự toán, kinh phí.
- Hình thức báo giá: Bản giấy có đóng dấu.
- Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
- Thông tin xin gửi về địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi – số 962, đường Phan Văn Khải, ấp Bàu Tre 2B, xã Tân An Hội, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38924231 - 232
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 10 giờ 00 phút ngày 16 tháng 03 năm 2026.

Xin trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Phương

## MẪU BÁO GIÁ

### Áp dụng đối với gói thầu May trang phục y tế năm 2025

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, chúng tôi (ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp) báo giá May trang phục y tế năm 2025 như sau:

## BẢNG BÁO GIÁ

### Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ CHI

Công ty chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện bảng báo giá May trang phục y tế năm 2025 như sau:

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Trang phục Bác sĩ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi đắp đáy túi vát góc, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.- Thông số kỹ thuật túi áo: Tùy theo số đo của từng người để may cho phù hợp.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki;</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44, 7/2 – Ngang (Ne): 45, 0/2</p> <p>- pH: 7, 1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	470		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
2	Trang phục Điều dưỡng, Hộ sinh viên, Y sĩ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kate for;  c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chều dài áo ngang mỏng, phía trước có 2 túi đắp, đáy túi vát góc, có khuy cài bên công tác trên ngực trái;- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kaki;  c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo  b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo  4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>- pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	1001		

同 台 全 三 行

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
3	Trang phục Dược sĩ trung học	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kate for;  c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2. Quần:a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kaki;  c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.  a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;  b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:  * Thành phần nguyên liệu:  - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)  - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256  - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44, 7/2 – Ngang (Ne): 45, 0/2  - pH: 7,1  - Độ dày (mm): 0,34  - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159  - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5  - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5  - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5  - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: - 2,0 – Ngang: -1,5  - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:  * Thành phần nguyên liệu:  - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%  - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308  - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242  - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5  - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5  - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5  - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: - 1,5 – Ngang: 0  - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h  - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	79		

10/10/2024

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
4	Trang phục Được sử dụng học	<p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biến công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2. Quần:a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki; c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn. a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ếp nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ếp nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	128		



STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
5	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kate for;  c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đắp, đáy túi vắt góc, có khuy cài bên công tác trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kaki;  c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;  b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</li> <li>- pH: 7,1</li> <li>- Độ dày (mm): 0,34</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> </ul> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</li> </ul>	Bộ	126		

1/ 0.0.0.0.0

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
6	<p>Trang phục của khu Khoa phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiệt khuẩn</p>	<p>1. Áo:  - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt;  - Chất liệu: Vải kate for;  Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông,  phía trước có 3 túi đắp, có khuy cài bên trên ngực trái.  2. Quần:  - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt;  - Chất liệu: Vải kate ford.  - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.  3. Mũ tròn.  - Màu sắc: Theo màu sắc của áo;  - Chất liệu: Theo chất liệu của áo.  4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>* Thành phần nguyên liệu:  - Polyester: 66% - Cotton: 34%  - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 284 – Ngang: 260  - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 46,2/2 – Ngang (Ne): 45,8/2  - Độ dày (mm): 0,36  - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159  - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5  - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5  - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5  - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: -1,2  - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	152		

PA CH 3.0.0.1

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
7	Trang phục nhân viên Dinh dưỡng	<p>1. Áo sơ mi:  a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: Vải kate ford  c) Kiểu dáng: cổ chữ U, ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đấp, đáy túi vắt góc có khuy cài bên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần tây: Kaki  a) Màu sắc: Màu trắng;  b) Chất liệu: vải kaki có độ co giãn</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo.</p> <p>3. Mũ  a) Màu sắc: theo màu sắc của áo;  b) Chất liệu:: theo chất liệu của áo</p> <p>4. Mũ đội, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:  * Thành phần nguyên liệu:  - Polyester: 65% - Cotton: 35% (<math>\pm 2</math>)  - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256  - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2  - pH: 7,1  - Độ dày (mm): 0,34  - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159  - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5  - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: Khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5  - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5  - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5  - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:  * Thành phần nguyên liệu:  - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%  - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308  - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242  - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5  - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: Khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5  - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5  - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0  - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h  - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	2		

(Ch) ... z/2/2/

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
8	Trang phục Hộ lý, Y công, Nhân viên giặt là	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki c) Kiểu dáng: Áo kiểu bludong, ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi đắp, đáy túi vắt góc, có khuy cài bên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: b) Chất liệu: c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, nam có 01 túi sau</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 71,9% - Rayon: 25,9% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480 – Ngang: 294 - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 253 - Độ vón gút sau 14 400 vòng quay (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	82		
9	Trang phục KTV TBYT, Kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe cấp cứu	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, ngắn tay, gấu tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi đắp có nắp, có khuy cài bên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>3. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 71,9% - Rayon: 25,9% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480 – Ngang: 294 - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 253 - Độ vón gút sau 14 400 vòng quay (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	44		



STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
10	Trang phục Nhân viên Bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Quần áo xuân hè ngắn tay nam: Theo mẫu số 07 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016</li> <li>- Màu sắc: Áo màu xanh dương, quần màu tím than</li> <li>- Chất liệu: Vải kaki</li> </ul>	<p>Kiểu dáng: Quần áo xuân hè ngắn tay nam: Theo mẫu số 07 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Áo màu xanh dương, quần màu tím than</li> <li>- Chất liệu: Vải kaki</li> </ul>	Bộ	18		
11	Trang phục Nhân viên Hành chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Áo sơ mi: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu trắng;</li> <li>b) Chất liệu: Vải kate ford</li> <li>c) Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay, cổ đực, cài cúc giữa, vạt bâu.</li> </ul> </li> <li>2. Quần tây: Kaki <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu sẫm;</li> <li>b) Chất liệu:</li> <li>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> </ul> </li> <li>3. Mũ đo.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Áo: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thành phần nguyên liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44, 7/2 – Ngang (Ne): 45, 0/2</li> <li>- pH: 7, 1</li> <li>- Độ dày (mm): 0,34</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 159</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: - 2,0 – Ngang: -1,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>2. Quần: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thành phần nguyên liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 242</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: - 1,5 – Ngang: 0</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</li> </ul> </li> </ul> </li> </ol>	Bộ	258		

Y TẾ  
 VIỆN  
 KHOA  
 Y HỌC  
 CHỈ  
 10

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
12	Phụ kiện trang phục bảo vệ: Cáp hiệu, Phù hiệu, Ký hiệu, Mũ, Dây lưng, Bít tất, Giày da nam	Theo mẫu số 02 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2017	Theo mẫu số 02 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2017	Bộ	18		
13	Tạp dề	a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình b) Kiểu dáng: Tạp dề không cổ, có 02 dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau cột dây c) Chất liệu: Vải kaki Nhật, chống thấm	a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình b) Kiểu dáng: Tạp dề không cổ, có 02 dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau cột dây c) Chất liệu: Vải kaki Nhật, chống thấm	Cái	10		
<b>TỔNG CỘNG:</b>							
<b>Bằng chữ:</b>							

**Ghi chú:** Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

**CÔNG TY.....**  
(Ký tên, đóng dấu)

